SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HUẾ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1668 /BC-KSBT

Huế, ngày 06 tháng 10 năm 2026

BÁO CÁO
Kết quả kiểm tra, giám sát vệ sinh chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tháng 09/2026 theo Thông tư 52/2024/TT-BYT

Căn cứ Thông tư số 52/2024/TT-BYT ngày 31/12/2024 của Bộ Y tế về việc Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt; Quyết định 42/2022/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Thành phố Huế) về việc ban hành Quyết định Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn thành phố Huế.

Thực hiện kế hoạch hoạt động chương trình vệ sinh môi trường của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Huế năm 2026.

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật đã phối hợp với Công ty Cổ phần cấp nước Huế tổ chức kiểm tra vệ sinh chất lượng nước sạch tại nhà máy nước Hồng Thủy và Công trình nước sạch nông thôn Hồng Vân, thành phố Huế.

I. Thời gian kiểm tra: Tháng 09/2026.

II. Nội dung kiểm tra: Kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt theo Thông tư 52/2024/TT-BYT *(Báo cáo kết quả ngoại kiểm chất lượng nước sạch đã gửi cho đơn vị cấp nước sau khi kiểm tra)*

1. Hồ sơ theo dõi, quản lý CLN: Đơn vị cấp nước có đầy đủ hồ sơ về

- QCKT địa phương về CLNS do UBND tỉnh ban hành: có 1/1 nhà máy
- Các kết quả thử nghiệm CLN nguyên liệu định kỳ, đột xuất: có 1/1 nhà máy
- Các kết quả thử nghiệm thông số CLNS định kỳ, đột xuất: có 1/1 nhà máy
- Các hồ sơ về hóa chất SD trong quá trình SXNS: có 1/1 nhà máy
- Sổ theo dõi việc lưu mẫu nước: có 1/1 nhà máy
- Báo cáo biện pháp khắc phục các sự cố liên quan đến CLNS: có 1/1 nhà máy.
- Công khai thông tin về CLNS: có 1/1 nhà máy
- Các tài liệu chứng minh việc thực hiện kế hoạch CNAT theo quy định: có 1/1 nhà máy.

2. Tần suất thực hiện chế độ nội kiểm:

a. Đơn vị cấp nước có thử nghiệm toàn bộ thông số CLNS trong các trường hợp:

- Trước khi đi vào vận hành lần đầu: có 1/1 nhà máy

- Sau khi nâng cấp sửa chữa lớn tác động đến hệ thống sản xuất: có 1/1 nhà máy.

- Khi có sự cố về môi trường có nguy cơ ảnh hưởng đến CLNS: có 1/1 nhà máy.

- Khi xuất hiện rủi ro trong QTSX có nguy cơ AH đến CLNS hoặc khi có yêu cầu của CQCTQ: có 1/1 nhà máy

- Định kỳ 03 năm một lần thử nghiệm toàn bộ các thông số: có 1/1 nhà máy

b. Thử nghiệm định kỳ:

- Tần suất thử nghiệm TSCLNS nhóm A: không ít hơn 01 lần/1 tháng: có

- Tần suất thử nghiệm TSCLNS nhóm B: không ít hơn 01 lần/6 tháng: có

- Tùy theo tình hình thực tế của địa phương UBND tỉnh QĐ tần suất thử nghiệm nhiều hơn tần suất QĐ: có

3. Tình hình chất lượng nước: *(Trong kỳ kiểm tra có những thông số nào thường xuyên không đạt, lý do và biện pháp khắc phục):*

Tại thời điểm kiểm tra các chỉ tiêu chất lượng nước đều nằm trong giới hạn cho phép.

4. Thực hiện chế độ công khai thông tin và báo cáo chất lượng nước

a. Công khai thông tin chất lượng nước sạch:

- Trong thời hạn 3 ngày kể từ ngày có KQ trên trang thông tin điện tử của đơn vị cấp nước: có 1/1 nhà máy

- Các nội dung sau: *Tổng số mẫu nước thử nghiệm và các vị trí lấy mẫu; Các thông số và kết quả thử nghiệm cụ thể của từng mẫu nước; Biện pháp và thời gian khắc phục các thông số không đạt Quy chuẩn*: có 1/1 nhà máy

b. Báo cáo chất lượng nước:

- Mẫu số 05: Báo cáo kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch, theo quý và báo cáo lưu trong từng lần nội kiểm. *(Nhóm A: không ít hơn 01 lần/1 tháng, nhóm B: không ít hơn 01 lần/6 tháng, tùy theo tình hình thực tế của địa phương)* có 1/1 nhà máy

- Mẫu 06: Báo cáo kết quả tổng hợp chất lượng nước sạch theo quý *(Báo cáo quý được tính từ ngày 01 tháng 01; tháng 4; tháng 7 và tháng 10 đến ngày cuối cùng của tháng 3; tháng 6; tháng 9; tháng 12 hằng năm)*: có 1/1 nhà máy

Kết quả kiểm tra: Nhà máy nước Hồng Thủy thực hiện tốt công tác nội kiểm của nhà máy. CTNSNT Hồng Vân lấy nước trực tiếp từ nguồn xuống không qua hệ thống xử lý nên không thực hiện việc nội kiểm.

III. Kết quả xét nghiệm nhanh chất lượng nước tại hiện trường: *(sử dụng các máy đo CLN của đơn vị cấp nước)*

- Vị trí lấy mẫu nước:

1. Trạm Y tế xã A Lưới 1 (cs2)

2. Nhà máy nước Hồng Thủy.

- Kết quả xét nghiệm nhanh tại hiện trường:

Số TT	*Mã số mẫu, vị trí lấy mẫu* / *Các thông số*	*1*	*2*	*Giới hạn tối đa cho phép*	*Đánh giá (đạt/không đạt)*
1	Clo dư tự do (**) (mg/L)	0,6	0,6	Trong khoảng 0,2- 1,0	**Đạt**
2	Độ đục (NTU)	0,13	0,12	2	**Đạt**
3	pH	7,3	7,2	Trong khoảng 6,0-8,5	**Đạt**

+ Kết quả có 2/2 mẫu xét nghiệm nhanh đều đạt về các thông số: Clo dư tự do; Độ đục và pH.

IV. Kết quả xét nghiệm nước:

- Tổng số mẫu nước đạt quy chuẩn là: 02 (mẫu). Tỷ lệ mẫu đạt quy chuẩn: 100%.

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật kính báo cáo./.

Nơi nhận:
- Cục Phòng bệnh (để báo cáo);
- Viện Pasteur Nha Trang (để báo cáo);
- Sở Y tế (để báo cáo);
- Sở Xây dựng (để báo cáo);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường (để báo cáo);
- Công ty CP Cấp nước Huế (để biết);
- Ban Giám đốc TTKSBT (để báo cáo);
- Lưu: VT, SKMT-YTTH-BNN.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

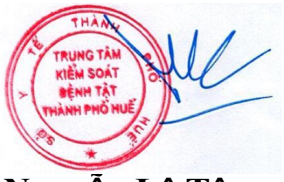

Nguyễn Lê Tâm